

Thành phố Huế, ngày 23 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 193/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1939. Nơi cư trú: 34 đường P, phường K, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D. Nơi cư trú: Tổ 7, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; Địa chỉ liên lạc: 08 đường L, phường P, thành phố Huế (Giấy uỷ quyền ngày 09/11/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Đình H. Địa chỉ: Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: 08 Lê Quý Đôn, phường Phú Hội, thành phố Huế.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1959. Nơi cư trú: 214 đường L, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1961;
- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1968;
- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968;
- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1970;
- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972;

Các ông, bà trên đều cư trú tại: 34 đường P, phường K, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1974. Nơi cư trú: 133 đường V, phường K, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1963. Nơi cư trú: 484 đường L, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Bà Nguyễn Thị Thùy V, sinh năm 1965. Nơi cư trú: 34 đường P, phường K, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;

Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Minh H, ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn M: Bà Nguyễn Thị D. Địa chỉ: 08 đường L, phường P, thành phố Huế (Giấy uỷ quyền ngày 09/11/2020).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T:

- Tài sản chung của ông T và bà T gồm: nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 193 (78-5), tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại 34 đường P, phường K, thành phố Huế: trong đó quyền sử dụng đất có diện tích đất $849,8m^2$ có giá trị là 5.948.600.000 đồng; 01 căn nhà cấp bốn (nhà chính) có diện tích $172,8m^2$ (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CC447218, ngày 11/5/2016 cấp cho ông Trình và bà Tùng) có giá trị là: 378.630.720 đồng; 01 nhà (ki ốt), diện tích $7,6m^2$ có giá trị là 2.903.200 đồng (được xây dựng ngoài diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tổng giá trị tài sản là: 6.330.133.920 đồng.

- Di sản thừa kế của ông T bằng một nửa tài sản chung của ông T và bà T có giá trị gồm: 3.165.066.960 đồng ($6.330.133.920 \text{ đồng} : 2 = 3.165.066.960 \text{ đồng}$).

2.2. Về hàng thừa kế và những người được quyền hưởng di sản thừa kế:

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được quyền hưởng di sản của ông Nguyễn Văn T gồm có 10 người sau đây: Bà Đặng Thị T, bà Nguyễn Thị Minh H, bà Nguyễn Thị Minh H, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Thùy V, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn M.

2.3. Về chia di sản thừa kế:

Giao cho bà Đặng Thị T được quyền sử dụng, sở hữu toàn bộ tài sản nhà và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 193 (78 – 5), tờ bản đồ số 31, có diện tích đất là $849,8m^2$, diện tích nhà là $172,8m^2$, tọa lạc tại số nhà 34 đường P, phường K, thành phố Huế, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 447218 ngày 11/5/2016 cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị T [Phần A, nhà (1) theo Bản vẽ hiện trạng nhà đất kèm theo]; trong đó: Một nửa giá trị tài sản là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T mà các đồng thừa kế đã giao cho bà T được hưởng, một nửa giá trị tài sản còn lại thuộc quyền sử dụng, sở hữu của bà T. Bà T có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên theo quy định của pháp luật.

Giao cho bà Đặng Thị T được sở hữu toàn bộ tài sản 01 nhà (ki ốt) có diện tích là 7,6m², tọa lạc tại 34 đường P, phường K, thành phố Huế [Nhà (2) theo Bản vẽ hiện trạng nhà đất kèm theo] được xây dựng ngoài diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T và bà T; trong đó: Một nửa giá trị tài sản là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T mà các đồng thừa kế đã giao cho bà T được hưởng, một nửa giá trị tài sản còn lại thuộc quyền sở hữu của bà T. Bà T chịu trách nhiệm tự tháo dỡ nhà xây dựng trái phép khi có yêu cầu.

2.4. *Về chi phí định giá tài sản:* Gồm 4.024.000 đồng, bà Đặng Thị T tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

2.5. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Đặng Thị T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế